CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	16,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**-5.8%**	**-8.9%**

DT thuần
Q4/25
573
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 336| 142%
YoY: ▼425| -42.6%

LN thuần
Q4/25
53.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.7| 202%
YoY: ▼106| -66.4%

LN sau thuế
Q4/25
13.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.4| 371%
YoY: ▼90.8| -87.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
34.3%
YoY: +/-▲ 13.8%

ROE
2025
16.5%
YoY: +/-▲ 10.1%

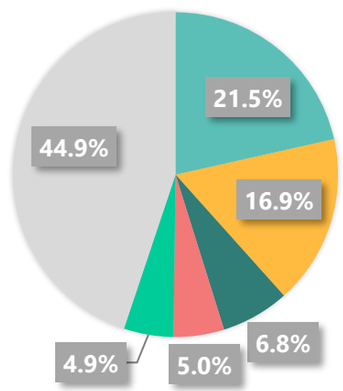
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,700 - 21,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,420
Số lượng CPLH (CP)	148,003,208
KLGD BQ 20 phiên (CP)	395,725
Sở hữu nước ngoài	5.5%
Beta	0.09
EPS	2,537
P/E	6.4

DT thuần
2025
1,858
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.0| 0.7%

LN thuần
2025
533
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 309| 138%

LN sau thuế
2025
370
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 242| 190%

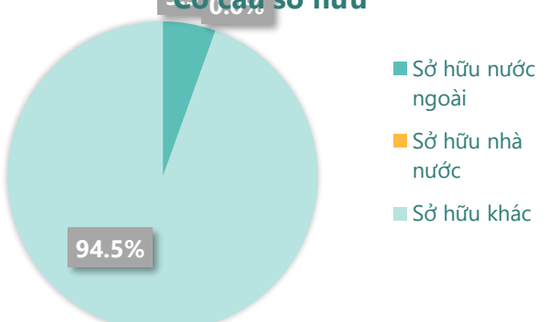
Cơ cấu cổ đông



- Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP
- CTCP Đầu tư và Phát triển DTT
- Đặng Thành Tâm (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Kim Xuân
- Đặng Thị Hoàng Phượng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

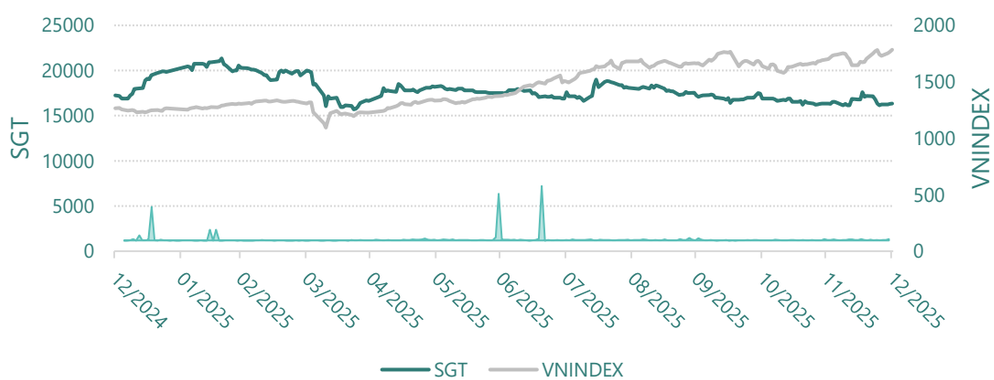
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

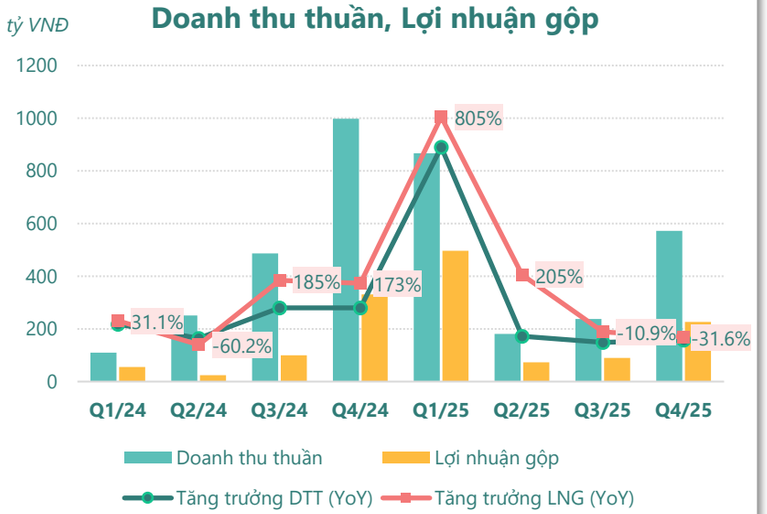
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



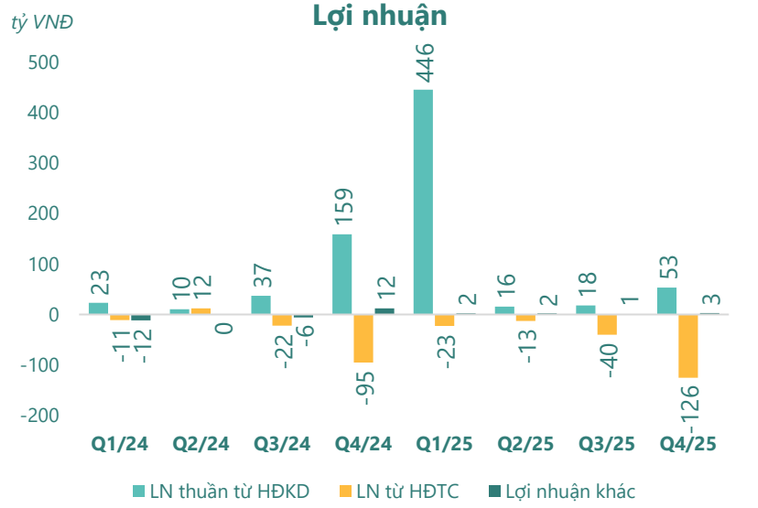
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



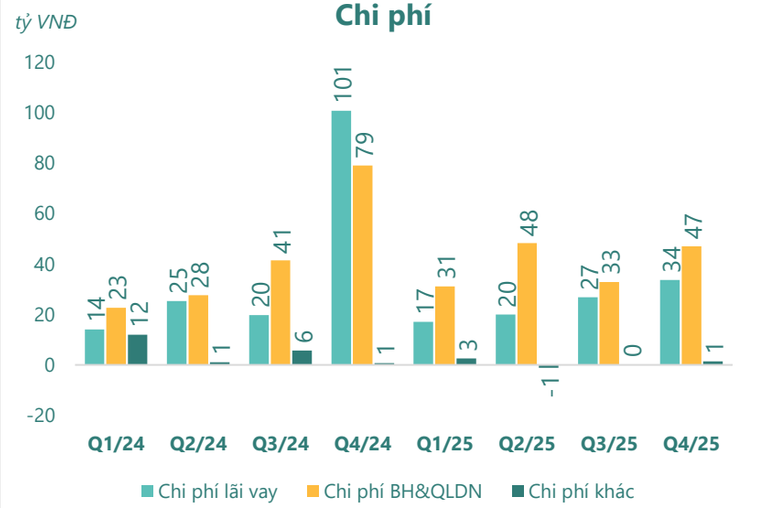
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



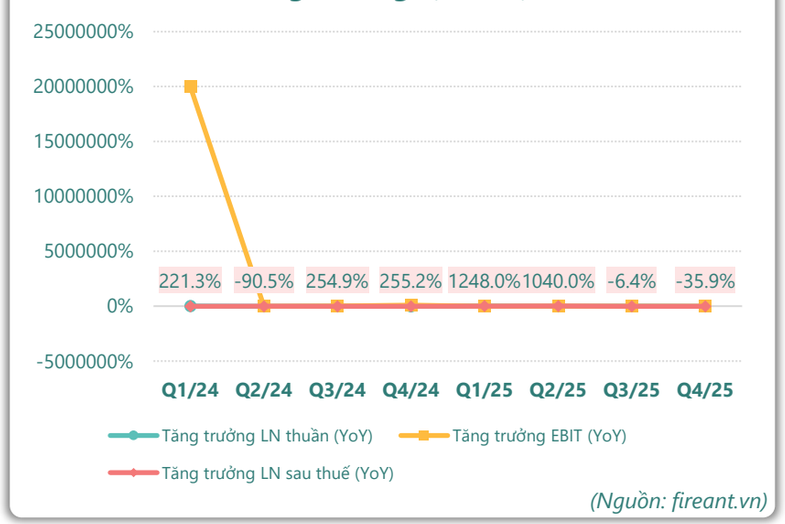
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



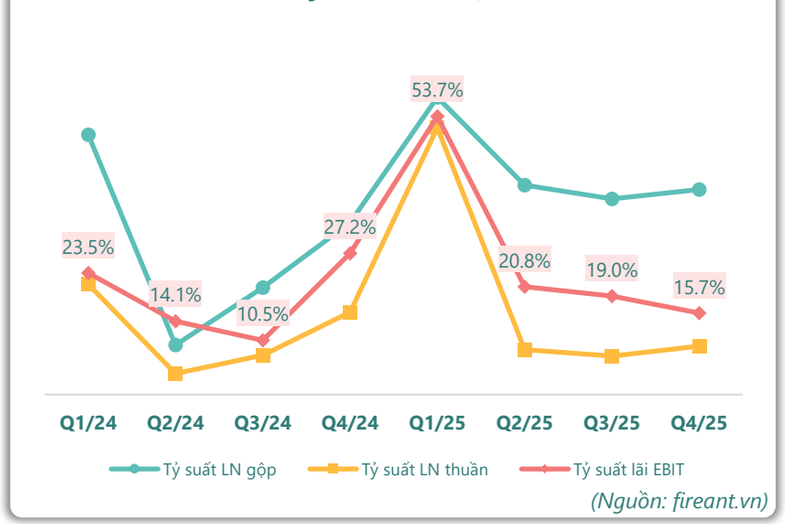
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



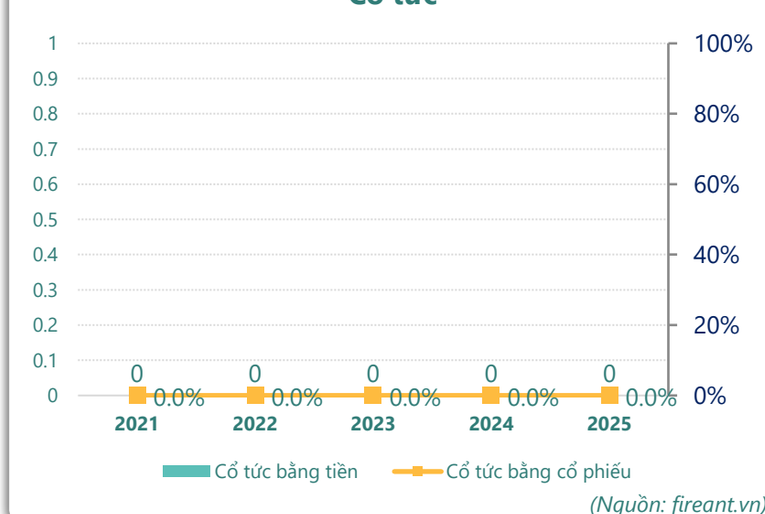
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

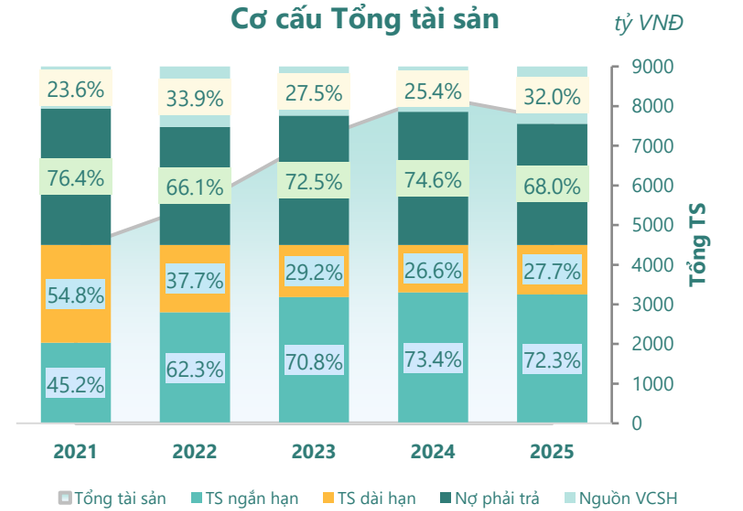
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

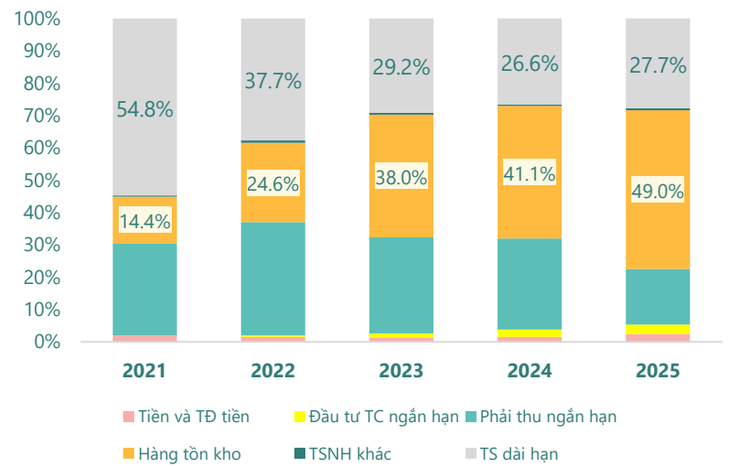
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



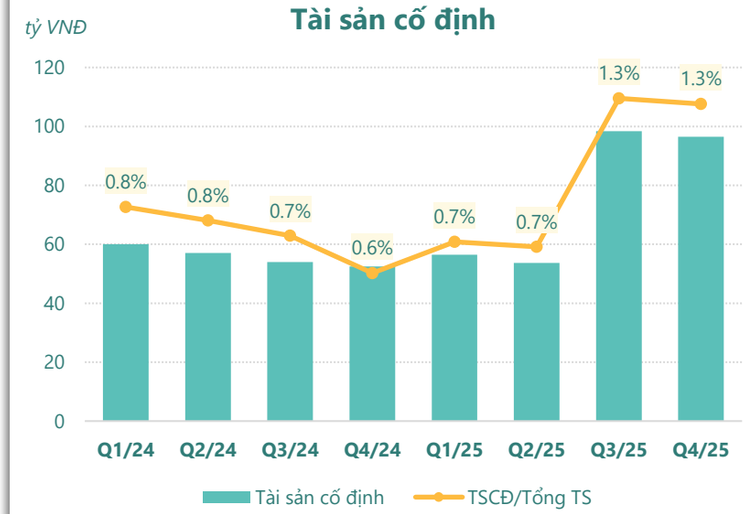
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



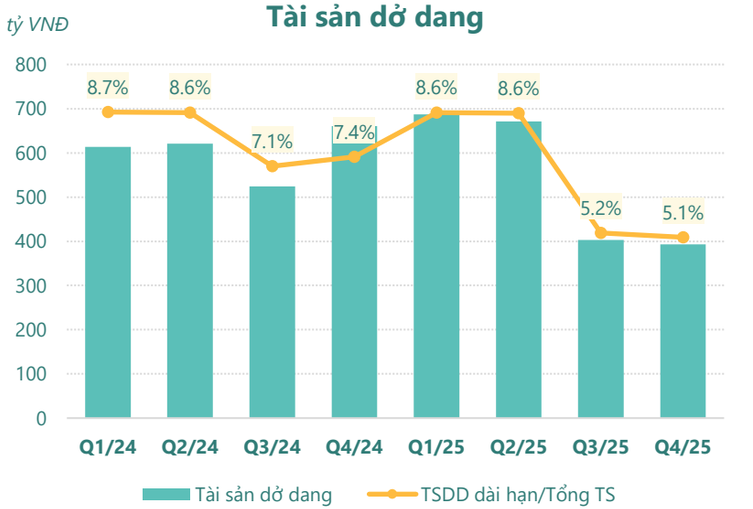
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



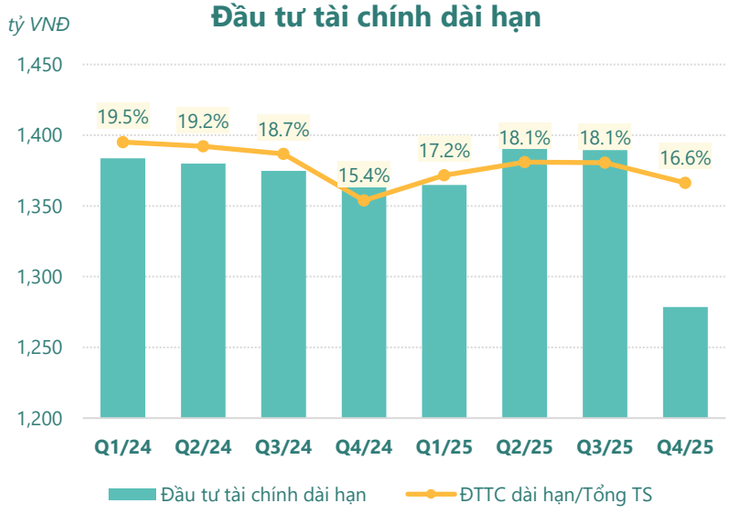
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



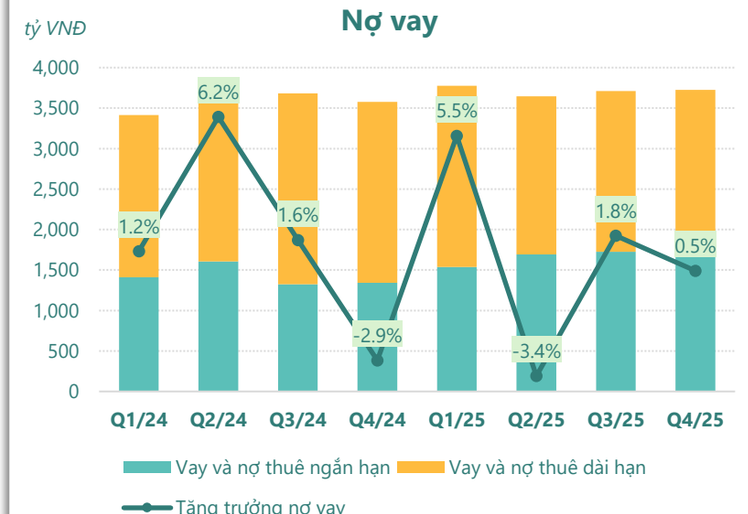
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

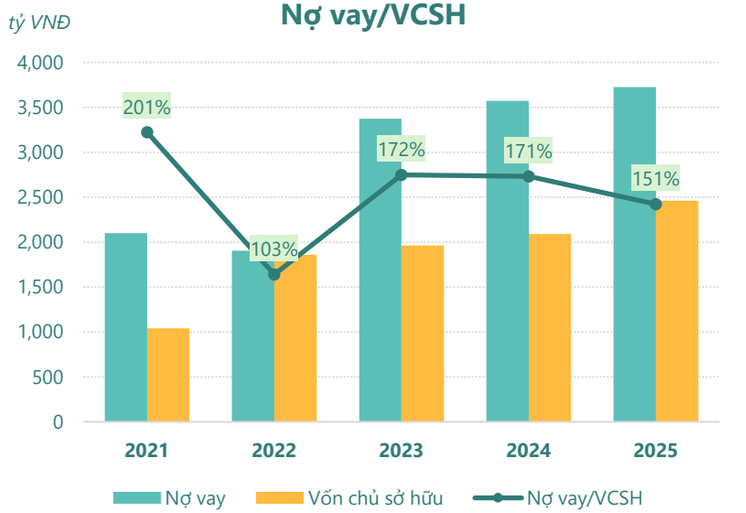
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

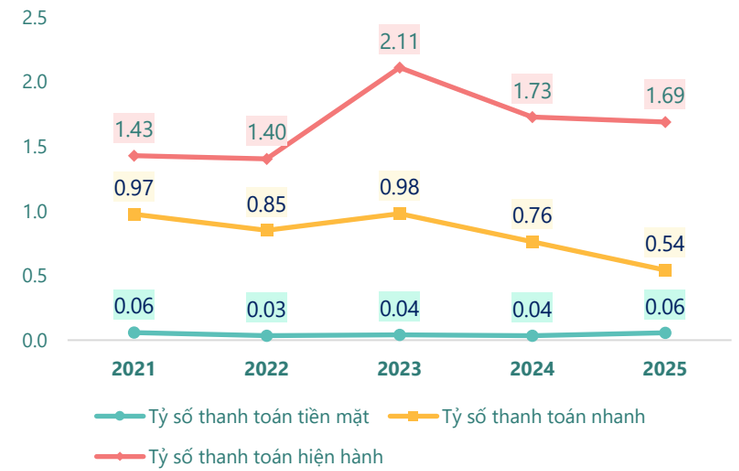
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



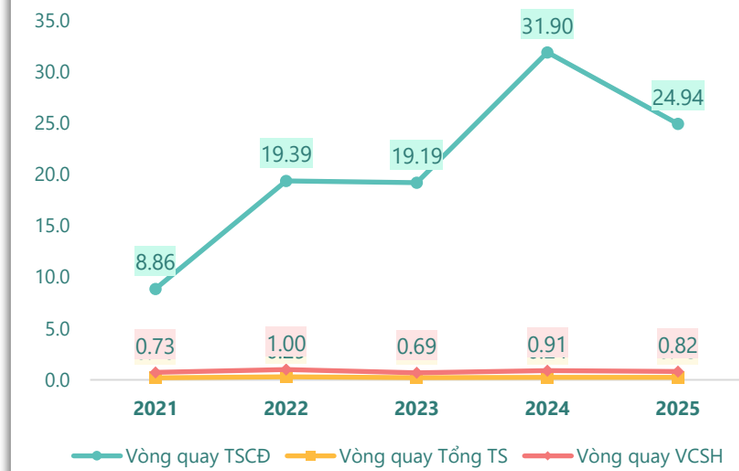
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



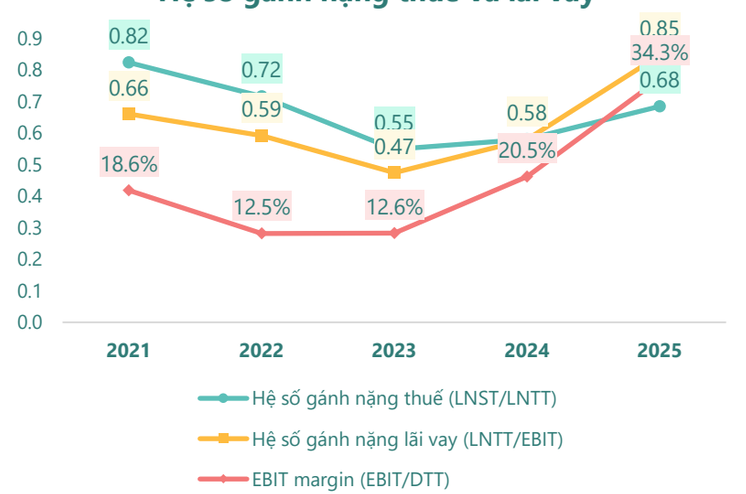
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



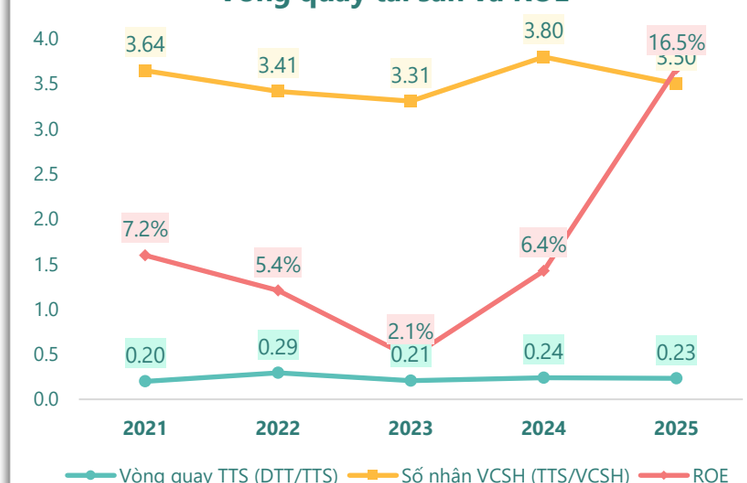
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



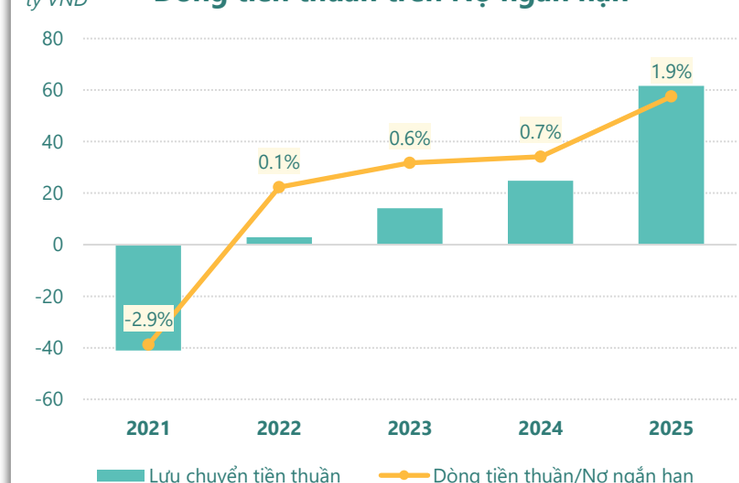
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**573**	**998**	**-42.6%**	**1,858**	**1,844**	**0.7%**
Giá vốn hàng bán	346	667	-48.1%	972	1,336	-27.3%
Lợi nhuận gộp	226	331	-31.6%	886	508	74.4%
Doanh thu HĐTC	18.6	5.48	239%	37.2	54.4	-31.6%
Chi phí TC	144	101	42.6%	239	175	36.4%
Chi phí lãi vay	33.7	101	-66.6%	97.6	159	-38.7%
LN trong công ty LKLD	**-0.39**	**2.50**	**-116%**	**7.60**	**6.11**	**24.3%**
Chi phí bán hàng	4.03	9.20	-56.2%	9.00	10.0	-10.4%
Chi phí QLDN	**43.0**	**70.0**	**-38.5%**	**150**	**159**	**-5.7%**
LN thuần từ HĐKD	53.4	159	-66.4%	533	224	138%
Lợi nhuận khác	**2.74**	**12.1**	**-77.4%**	**7.51**	**-4.31**	**274%**
LN trước thuế	56.1	171	-67.2%	540	220	146%
Lợi nhuận sau thuế	**13.2**	**104**	**-87.3%**	**370**	**128**	**190%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.6**	**102**	**-87.7%**	**375**	**130**	**189%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-141	318	106	-0.94	-35.5	145
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	101	-159	-260	-6.09	62.4	119
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	56.4	-131	152	-79.0	-38.8	-102
Tiền đầu kỳ	78.8	95.4	124	121	34.9	23.1
Lưu chuyển tiền thuần	**16.6**	**28.2**	**-2.63**	**-86.0**	**-11.9**	**162**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	95.4	124	121	34.9	23.1	185

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,685**	**8,245**	**-6.8%**
Tài sản ngắn hạn	5,553	6,055	-8.3%
Tiền và tương đương tiền	185	124	49.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	224	187	19.7%
Phải thu ngắn hạn	1,321	2,323	-43.1%
Hàng tồn kho	3,769	3,385	11.3%
Tài sản ngắn hạn khác	53.0	35.9	47.6%
Tài sản dài hạn	**2,133**	**2,190**	**-2.6%**
Phải thu dài hạn	68.3	74.8	-8.7%
Tài sản cố định	96.5	52.5	84.0%
Bất động sản đầu tư	271	15.4	1658%
Tài sản dở dang	393	662	-40.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,279	1,372	-6.8%
Tài sản dài hạn khác	**19.6**	**5.03**	**290%**
Lợi thế thương mại	5.50	7.50	-26.7%
Nợ phải trả	5,224	6,153	-15.1%
Nợ ngắn hạn	**3,286**	**3,503**	**-6.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,857	1,395	33.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	305	509	-40.1%
Nợ dài hạn	1,938	2,651	-26.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,870	2,177	-14.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,461**	**2,091**	**17.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,461**	**2,091**	**17.7%**
Vốn điều lệ	1,480	1,480	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)